

**TÒA ÁN NHA DA
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 07-01-2021

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DA THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhA dA:

1. Bà Vũ Thị Phụng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim NgA - Thư ký Tòa án nhA dA thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thạch - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhA dA thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 233/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/HSST – QĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T, tên gọi khác: M; sinh ngày 14/7/2002 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp A, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dA tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; mẹ: Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1981;

Tiền sự: 01 – Ngày 21/8/2020 bị Công an thành phố V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản;

Tiền án: Không.

Bị bắt: Ngày 11 tháng 8 năm 2020 (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

+ Anh Ngô Sỹ Ng, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Số 17 Y, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Chị Đặng Thị Ngọc Q, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Chị Đinh Thị Bích L, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Quang V, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Tổ 13, thôn P, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên từ ngày 11/5/2020 đến ngày 10/8/2020, Nguyễn Hoàng T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V và thị xã P. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 11/5/2020, Nguyễn Hoàng T; Phạm Hoàng A, Lê Thành N và Phạm Hoàng B rủ nhau đến xã S, thành phố V trộm cắp tài sản. Khi đi đến xã S, thành phố V cả nhóm phát hiện một xe ô tô biển số 56C-060.66 của anh Lê Tuấn B đang đậu trên đường thuộc thôn 1, xã S, thành phố V nên cả nhóm lén lút tháo trộm bình ắc quy của xe ô tô nhưng bị anh Tuấn B và anh Ngô Sỹ Ng phát hiện nên cả nhóm bỏ chạy, lúc này anh Ng dùng xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 72C1-769.46 chở theo Tuấn B đuổi theo nhóm của T. Trên đường bỏ chạy nhóm của T phát hiện 01 xe ô tô (không rõ biển số) đậu bên đường nên dừng lại để tháo trộm bình ắc quy của xe ô tô này, thì anh Ng, anh Tuấn B phát hiện và tiếp tục truy đuổi, B điều khiển xe máy một mình chạy thoát, N, T và A chạy về hướng công trường Dự án Lọc Hóa dầu Long Sơn, thôn 3, xã S. N và A chạy vào bên trong công trường, T trốn dưới rãnh đất nằm bên hông của cổng công trường. Lúc này anh Ng, anh Tuấn B dựng xe máy biển số 72C1-769.46 ngay sát vị trí T đang ẩn nấp, chìa khóa cắm sẵn trên xe, chạy bộ vào công trường để đuổi bắt N và A. Sau khi anh Ng và anh Tuấn B đi vào công trường, T đã lấy trộm xe máy của anh Ng làm phương tiện để tẩu thoát, anh Ng, anh Tuấn B đuổi theo nhưng không bắt giữ được N và A nên quay ra ngoài thì phát hiện T đang nổ máy xe bỏ chạy, anh Ng, anh Tuấn B chạy bộ đuổi theo T nhưng không kịp. Sau đó, T chạy xe máy biển số 72C1-769.46 đến nhà của đối tượng tên Queo (không rõ nhân thân, lai lịch) ở xã T Hòa, thị xã P, T kể cho Queo nghe sự việc trộm cắp xe máy biển số 72C1-769.46, Queo nói T đem chiếc xe này ra để tại khu vực tuyến đường ống dẫn khí để người bị hại có thể tìm thấy được xe, sau đó T đem xe đi cất giấu tại vị trí đối diện với cột mốc số 481A đường hành lang an toàn tuyến ống dẫn khí, thuộc xã H, thị xã P. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 12/5/2020, T quay lại vị trí đã cất giấu xe thì phát hiện chiếc xe trên đã bị người khác lấy mất.

Vụ thứ hai: Khoảng 06 giờ ngày 25/7/2020, T đi đến dãy phòng trọ tại thôn Phước Tấn, xã H, thị xã P để tìm bạn nhưng không gặp, sau đó T đi vào phòng trọ số 09 của chị Đặng Thị Ngọc Q, phát hiện phòng mở cửa, bên trong không có

người, T đã lén lút vào trong phòng trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F11 Green của chị Q rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài, T đem chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đến bán cho Anh Lê Quang V được số tiền 1.200.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 10/8/2020, T đi bộ một mình đến khu vực thôn L, xã H, thị xã P để tìm nhà người dân sơ hở trộm cắp tài sản. T phát hiện nhà của chị Đinh Thị Bích L có một mặt nhà giáp con sông nên có thể đột nhập vào bên trong được, sau đó T đi vào nhà chị L bằng cửa sau, cạy chiếc tủ gỗ để trong nhà chị L trộm cắp số tiền 2.100.000 đồng. Số tiền trộm cắp được T cùng với đối tượng tên Chung (không rõ nhân thân, lai lịch) xuống huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu mua ma túy sử dụng hết.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoàng T đã khai nhận quá trình thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá số 126/KL ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã P, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Green, trị giá 3.967.500 đồng.

Tại Kết luận định giá số 127/KL ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố V, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 72C1-769.46, trị giá 20.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chị Q 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Green theo quy định.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 72C1-769.46 và số tiền 2.100.000 đồng Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dA sự: Chị Đặng Thị Ngọc Q đã nhận lại tài sản nên không tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường.

Anh Ngô Sỹ Ng yêu cầu Nguyễn Hoàng T bồi thường giá trị chiếc xe bị mất với số tiền 42.000.000 đồng.

Chị Đinh Thị Bích L yêu cầu Nguyễn Hoàng T bồi thường số tiền 2.100.000 đồng.

Đối với Phạm Hoàng A, Lê Thành N ngày 24/9/2020 đã bị Tòa án nhân dân thành phố V xét xử trong một vụ án khác.

Đối với hành vi T cùng A, N trộm cắp bình ắc quy xe ô tô, giá trị tài sản dưới 2 triệu đồng nên Công an thành phố V đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với Anh Lê Quang V khi mua lại chiếc điện thoại OPPO F11 Green của T, anh V không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không đủ căn cứ để xác định anh V phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đối với đối tượng tên Quẹo và Chung, hiện Cơ quan điều tra chưa xác minh được nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh điều tra để làm rõ hành vi của các đối tượng, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 232/CT-VKS ngày 23 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố Nguyễn Hoàng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề

ngợi Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hoàng T mức án tù 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Nguyễn Hoàng T bồi thường cho anh Ngô Sỹ Ng số tiền 20.500.000 đồng, bồi thường cho chị Đinh Thị Bích L số tiền 2.100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Q 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Green, chị Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo T. Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 72C1-769.46 và số tiền 2.100.000 đồng Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại phiên tòa, Nguyễn Hoàng T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Nguyễn Hoàng T phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến tháng 8/2020 Nguyễn Hoàng T đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V và thị xã P cụ thể như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 11/5/2020, trước cổng công trường Dự án lọc hóa dầu S, Nguyễn Hoàng T đã có hành vi lén lút trộm cắp một xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 72C1-769.46 của anh Ngô Sỹ Ng, trị giá 20.500.000 đồng;

Khoảng 06 giờ ngày 25/7/2020 tại phòng trọ của chị Đặng Thị Ngọc Q thuộc thôn P, xã H, thị xã P, T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F11 Green của chị Q trị giá 3.967.500 đồng;

Khoảng 01 giờ ngày 10/8/2020, T lén lút đột nhập vào nhà của chị Đinh Thị Bích L thuộc thôn L, xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trộm cắp của chị L số tiền 2.100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản T đã chiếm đoạt là: 26.297.500 đồng.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Hoàng T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về khung hình phạt: Tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 26.297.500 đồng, do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản.

[4] Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là công dân đã trưởng thành, ý thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, lười lao động nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đối với bị cáo cần có một hình phạt thật nghiêm khắc để giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Sỹ Ng yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 72C1-769.46 bị mất với số tiền 42.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường theo quy định của pháp luật để bị cáo có khả năng bồi thường cho bị hại. Tại Kết luận định giá số 127/KL ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố V, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 72C1-769.46, trị giá 20.500.000 đồng như vậy chỉ có căn cứ để buộc bị cáo T bồi thường cho anh Ng số tiền 20.500.000 đồng.

Chị Đặng Thị Ngọc Q đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Lê Quang V không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xem xét giải quyết.

Buộc Nguyễn Hoàng T bồi thường cho chị Đinh Thị Bích L số tiền 2.100.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Chị Q đã nhận lại 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F11 Green, đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 72C1-

769.46 và số tiền 2.100.000 đồng Cơ quan điều tra không thu hồi được do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí DA sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Hoàng T (tức M) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hoàng T 02 (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dA sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586 Bộ luật tố tụng DA sự;

Buộc Nguyễn Hoàng T bồi thường cho anh Ngô Sỹ Ng số tiền 20.500.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm nghìn) và bồi thường cho chị Đinh Thị Bích L số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật DA sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.130.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nHA dA tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dA sự thì người được thi hành án dA sự, người phải thi hành án dA sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, (7a,7b) và 9 Luật thi hành án dA sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dA sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;

- VKSND tỉnh BR-VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thu Hiền